TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 73/2026/DS-ST Ngày: 05 - 3 - 2026 V/v: "T/C HĐ cầm cố tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Phạm Minh Giới;
Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ.

Ngày 05 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 662/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng dân sự cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2026/QĐST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần S Có Ngay
Địa chỉ: Số A N, phường T, tỉnh Nghệ An;
Đại diện theo pháp luật: KANOKWTPAISAL NAPAT, chức vụ: Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Duy T, chức vụ: Nhân viên; địa chỉ: Số A, khu V, phường T, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- *Bị đơn*: Phạm Thế H, sinh năm 1992
Địa chỉ: ấp C, xã T, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 13 tháng 4 năm 2021, bị đơn là ông Phạm Thế H có cầm cố cho Công ty cổ phần S Có Ngay 01 chiếc xe mô tô màu Đen - Bạc, nhãn hiệu: HONDA,

số loại: WAVE ALP, số khung: 1217DY786022, số máy: HCL2E5786103, biển số: 65B1-673.50; số tiền cầm cố là 8.400.000 đồng; thời hạn cầm cố là 18 tháng; lãi suất cầm cố là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn, phí quản lý hồ sơ là 0,5%/tháng (tính trên dư nợ thực tế); phương thức trả nợ: Trả theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng trả số tiền là 724.213,20 đồng. Cùng ngày, bị đơn tiếp tục ký kết Giấy mượn tài sản đã cầm cố (Giấy mượn xe); thời hạn mượn tài sản là 01 tháng.

Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn xác định: Từ lúc xác lập hợp đồng đến nay, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền là 4.749.000 đồng, bao gồm: 2.017.165 đồng nợ gốc, 1.811.522 đồng nợ lãi và 920.315 đồng nợ phí. Hiện còn nợ 6.382.837 đồng nợ gốc cùng nợ lãi và phí phát sinh. Do đó, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn là ông Phạm Thế H trả cho nguyên đơn số tiền là 12.976.840 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 6.382.837 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.637.601 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.956.402 đồng; riêng khoản nợ phí là 2.022.329 đồng không yêu cầu bị đơn trả.

Bị đơn là ông Phạm Thế H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự cầm cố tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là ông Phạm Thế H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là: 01 Phiếu đăng ký kiêm hợp đồng cầm cố và 01 Giấy mượn xe lập cùng ngày 13 tháng 4 năm 2021, chứng minh nội dung thỏa thuận cầm cố tài sản và thuê tài sản như lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ. Ngược lại, phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến phản đối hay cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu,

chứng cứ chứng minh ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành giải quyết vụ án trên cơ sở tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, chấp nhận ý kiến và các chứng cứ, tài liệu nguyên đơn đã cung cấp.

[3.2] Theo Phiếu đăng ký kiêm Hợp đồng cầm cố được xác lập ngày 13 tháng 4 năm 2021, các bên thoả thuận bị đơn vay của nguyên đơn khoản tiền là 8.400.000 đồng; thời hạn thanh toán là 18 tháng; lãi suất thoả thuận là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn, phí quản lý hồ sơ là 0,5%/tháng (tính trên dư nợ thực tế); phương thức trả nợ: Trả theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng trả số tiền là 724.213,20 đồng. Để đảm bảo khoản vay trên, các bên có thoả thuận biện pháp bảo đảm bằng hợp đồng cầm cố tài sản, tài sản cầm cố là 01 chiếc xe mô tô màu Đen - Bạc, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE ALP, số khung: 1217DY786022, số máy: HCL2E5786103, biển số: 65B1-673.50. Tuy nhiên, sau khi thoả thuận cầm cố tài sản, các bên tiếp tục thoả thuận cho bị đơn mượn lại tài sản đã cầm cố với thời hạn là 30 ngày. Đến nay đã quá thời hạn thanh lý hợp đồng, nhưng bị đơn chỉ trả được một phần nợ gốc và một phần nợ lãi là thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc còn lại và lãi suất phát sinh là có căn cứ; riêng khoản nợ phí nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3.3] Xét mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1,1%/ tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn đã trả được số tiền là: 2.017.165 đồng nợ gốc, 1.811.522 đồng nợ lãi và 920.315 đồng nợ phí. Do đó, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc còn lại là 6.382.835 đồng, cùng lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.637.601 đồng nợ lãi trong hạn và 3.956.402 đồng nợ lãi quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của các đương sự và đúng pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Đối với tài sản cầm cố, sau khi thoả thuận cho bị đơn mượn lại tài sản đã cầm cố cho đến nay, phía bị đơn hiện đang quản lý mà không trả lại cho nguyên đơn; tại phiên toà, đại diện nguyên đơn cũng không yêu cầu xem xét đối với hợp đồng mượn tài sản ngày 13 tháng 4 năm 2021 cũng như tài sản cầm cố đã cho bị đơn mượn lại. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 5% giá ngạch giá trị tài sản tranh chấp nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 144, 147, 217, 218, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 309, 311, 314, 315, 424, 463, 466, 468 và 494 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn.

Buộc ông Phạm Thế H có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay (do ông KANOKWATPAISAL NAPAT và ông Nguyễn Duy T đại diện) số tiền là 12.976.840 đồng (mười hai triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi đồng), trong đó: Nợ gốc là 6.382.837 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.637.601 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.956.402 đồng.

2. Về án phí: Ông Phạm Thế H phải chịu 648.800 đồng (sáu trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Công ty cổ phần S Có Ngay (do ông KANOKWATPAISAL NAPAT và ông Nguyễn Duy T đại diện) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 383.000 đồng (ba trăm tám mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012525 ngày 17 tháng 12 năm 2025 Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật (mức lãi suất các bên thỏa thuận là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi

tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 13-Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Hữu Thắng